

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.
Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	CQ2023/5	23CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMD203		1		
2	CQ2023/5	23CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMD203		1		
3	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMD203		1		
4	CQ2023/1	23CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T3	1-2.5	cs2:PMD203		1		
5	CQ2023/1	23CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T3	3.5-5	cs2:PMD203		1		
6	CQ2023/3	23CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD203		1		
7	CQ2023/3	23CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD203		1		
8	CQ2023/2	23CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T4	1-2.5	cs2:PMD203		1		
9	CQ2023/2	23CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T4	3.5-5	cs2:PMD203		1		
10	CQ2023/4	23CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMD203		1		
11	CQ2023/4	23CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMD203		1		
12	TTNT2023	23TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T6	1-2.5	cs2:PMD203		1		
13	TTNT2023	23TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T6	3.5-5	cs2:PMD203		1		
14	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMC202		1		
15	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMC202		1		
16	TTNT2024	24TNT1	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC201		1		
17	TTNT2024	24TNT1	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC201		1		

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.
Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
18	CQ2023/6	23CTT6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC202		1		
19	CQ2023/6	23CTT6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC202		1		
20	CNTN2024	24TNT1TN	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T2	3.5-5	cs2:PMC201		1		
21	CQ2024/3	24CTT3	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMC201		1		
22	CQ2024/3	24CTT3	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMC201		1		
23	CQ2024/1	24CTT1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMC201		1		
24	CQ2024/1	24CTT1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMC201		1		
25	CQ2024/5	24CTT5	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMC201		1		
26	CQ2024/5	24CTT5	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMC201		1		
27	CQ2024/2	24CTT2	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMC201		1		
28	CQ2024/2	24CTT2	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMC201		1		
29	CQ2024/4	24CTT4	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMC201		1		
30	CQ2024/4	24CTT4	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMC201		1		
31	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMC201		1		
32	CQ2024/3	24CTT3	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMC202		1		
33	CQ2024/3	24CTT3	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMC202		1		

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.
Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
34	CQ2024/1	24CTT1	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T3	6-7.5	cs2:PMC202		1		
35	CQ2024/1	24CTT1	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T3	8.5-10	cs2:PMC202		1		
36	TTNT2024	24TNT1	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMC202		1		
37	TTNT2024	24TNT1	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMC202		1		
38	CQ2024/5	24CTT5	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T4	6-7.5	cs2:PMC202		1		
39	CQ2024/5	24CTT5	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T4	8.5-10	cs2:PMC202		1		
40	CQ2024/2	24CTT2	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMC202		1		
41	CQ2024/2	24CTT2	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMC202		1		
42	CQ2024/4	24CTT4	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T6	6-7.5	cs2:PMC202		1		
43	CQ2024/4	24CTT4	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T6	8.5-10	cs2:PMC202		1		
44	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMC201		1		
45	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMC201		1		
46	CNTN2023	23TNT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N3	T2	3.5-5	cs2:PMD204		1		
47	CQ2023/4	23CTT4	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T2	6-7.5	cs2:PMD204		1		
48	CQ2023/4	23CTT4	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T2	8.5-10	cs2:PMD204		1		

Thời gian học thực hành khóa 2021,2022,2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024.
Thời gian học thực hành khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025.
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	15g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
49	CQ2023/5	23CTT5	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD204		1		
50	CQ2023/5	23CTT5	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD204		1		
51	CQ2023/3	23CTT3	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMD204		1		
52	CQ2023/3	23CTT3	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMD204		1		
53	CQ2023/1	23CTT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMD204		1		
54	CQ2023/1	23CTT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMD204		1		
55	CQ2023/2	23CTT2	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMD204		1		
56	CQ2023/2	23CTT2	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMD204		1		
57	TTNT2023	23TNT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMD204		1		
58	TTNT2023	23TNT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMD204		1		

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỪ
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học khóa 2021, 2022: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 08/12/2024

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	Ghi chú
1	CNTN2021	21TN	CSC10107	Thực tập thực tế	60	47	3				
2	CNTN2021	21TN	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	30	30	2				
3	CNTN2021	21TN	CSC13007	Phát triển game	30	45	3				
4	CNTN2022	22TN	CSC10007	Hệ điều hành	30	37	2				
5	CNTN2022	22TN	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán	30	37	2				
6	CNTN2022	22TN	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	30	37	2				
7	CNTN2022	22TN	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	30	35	2				
8	CNTN2022	22TN	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	30	37	2				
9	CNTN2022	22TN	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	30	30	2				
10	CNTN2022	22TN	CSC16001	Đồ họa máy tính	30	30	2				

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học khóa 2021, 2022, 2024: từ ngày 30/09/2024 đến ngày 22/12/2024

Thời gian học khóa 2023: từ ngày 14/10/2024 đến ngày 05/01/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
1	CQ2022/21	22_21	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu	30	100	6							
2	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10008	Mạng máy tính	30	42	2							
3	CQ2021/1	21_1	CSC12005	Phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại	30	70	4							
4	CQ2021/1	21_1	CSC12106	Tương tác người – máy	30	30	2							
5	CQ2021/1	21_1	CSC12107	Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	30	90	5							
6	CQ2021/1	21_1	CSC12110	Phân tích dữ liệu ứng dụng	30	50	3							
7	CQ2021/1	21_1	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	30	50	3							
8	CQ2021/21	21_21	CSC14109	Logic mờ và ứng dụng	30	30	2							
9	CQ2021/21	21_21	CSC14112	Sinh trắc học	30	50	3							
10	CQ2021/21	21_21	CSC14114	Ứng dụng dữ liệu lớn	30	60	3							
11	CQ2021/21	21_21	CSC14117	Nhập môn lập trình kết nối vạn vật	30	50	3							
12	CQ2021/21	21_21	CSC14120	Lập trình song song	30	100	6							
13	CQ2021/22	21_21	CSC15001	An ninh máy tính	30	70	4							
14	CQ2021/22	21_22	CSC15009	Xử lý tín hiệu số	30	30	2							
15	CQ2021/22	21_22	CSC15010	Blockchain và ứng dụng	30	70	4							
16	CQ2021/22	21_22	CSC15011	Nhập môn ngôn ngữ học thống kê và ứng dụng	30	30	2							
17	CQ2021/22	21_22	CSC15102	Phân tích mạng xã hội	30	40	2							
18	CQ2021/22	21_22	CSC15104	An toàn và phục hồi dữ liệu	30	70	4							
19	CQ2021/22	21_22	CSC15106	Seminar Công nghệ tri thức	30	30	2							
20	CQ2021/23	21_23	CSC16002	Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác	30	40	2							
21	CQ2021/23	21_23	CSC16102	Kỹ thuật lập trình xử lý ảnh số và video số	30	40	2							
22	CQ2021/23	21_23	CSC16104	Thị giác Robot	30	30	2							
23	CQ2021/23	21_23	CSC16106	Nhập môn lập trình điều khiển thiết bị thông minh	30	40	2							
24	CQ2021/23	21_23	CSC16107	Ứng dụng thị giác máy tính	30	40	2							

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
25	CQ2021/3	21_3	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	30	100	6							
26	CQ2021/3	21_3	CSC13006	Quản lý dự án phần mềm	30	50	3							
27	CQ2021/3	21_3	CSC13007	Phát triển game	30	70	4							
28	CQ2021/3	21_3	CSC13103	Công nghệ Java cho hệ thống phân tán	30	70	4							
29	CQ2021/3	21_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	30	100	6							
30	CQ2021/3	21_3	CSC13107	Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng	30	50	3							
31	CQ2021/3	21_3	CSC13112	Thiết kế giao diện	30	70	4							
32	CQ2021/3	21_3	CSC13118	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động nâng cao	30	70	4							
33	CQ2021/31	21_31	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	30	60	3							
34	CQ2021/4	21_4	CSC11003	Lập trình mạng	30	30	2							
35	CQ2021/4	21_4	CSC11106	Truyền thông không dây	30	30	2							
36	CQ2021/4	21_4	CSC11112	Chuyên đề Hệ thống phân tán	30	30	2							
37	CQ2021/5	21_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp	30	130	6							
38	CQ2022/1	22_1	CSC10007	Hệ điều hành	30	80	4	LVLong						
39	CQ2022/1	22_1	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao	30	100	6							
40	CQ2022/1	22_1	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	30	120	6							
41	CQ2022/1	22_1	CSC12109	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	30	90	5							
42	CQ2022/1	22_1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	30	100	6							
43	CQ2022/21	22_21	CSC10007	Hệ điều hành	30	80	4							
44	CQ2022/21	22_21	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	30	100	6							
45	CQ2022/21	22_21	CSC14111	Nhập môn thiết kế và phân tích giải thuật	30	30	2							
46	CQ2022/21	22_21	CSC14119	Nhập môn khoa học dữ liệu	30	70	4							
47	CQ2022/21	22_21	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu	30	90	5							
48	CQ2022/22	22_22	CSC10007	Hệ điều hành	30	80	4							
49	CQ2022/22	22_22	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	30	100	6							
50	CQ2022/22	22_22	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán	30	30	2							
51	CQ2022/22	22_22	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	30	60	3							
52	CQ2022/22	22_22	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	30	80	4							
53	CQ2022/22	22_22	CSC15109	Nhập môn tính toán lượng tử	30	40	2							
54	CQ2022/23	22_23	CSC16001	Đồ họa máy tính	30	30	2							

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
55	CQ2022/23	22_23	CSC16005	Xử lý ảnh số và video số	30	40	2							
56	CQ2022/3	22_3	CSC10007	Hệ điều hành	30	80	4	PTSon						
57	CQ2022/3	22_3	CSC13001	Lập trình Windows	30	60	3							
58	CQ2022/3	22_3	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	30	100	6							
59	CQ2022/3	22_3	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	30	70	4							
60	CQ2022/3	22_3	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	30	60	3							
61	CQ2022/31	22_31	CSC13001	Lập trình Windows	30	60	3							
62	CQ2022/31	22_31	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	30	60	3							
63	CQ2022/31	22_31	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	30	60	3							
64	CQ2022/4	22_4	CSC10007	Hệ điều hành	30	80	4							
65	CQ2022/4	22_4	CSC11004	Mạng máy tính nâng cao	30	40	2							
66	CQ2022/4	22_4	CSC11117	Hệ điều hành Linux và ứng dụng	30	30	2							
67	CQ2022/4	22_4	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	30	100	6							
68	CQ2022/4	22_4	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	30	100	6							
69	CQ2023/1	23CTT1	CSC10008	Mạng máy tính	30	70	4							
70	CQ2023/2	23CTT2	CSC10008	Mạng máy tính	30	70	4							
71	CQ2023/3	23CTT3	CSC10008	Mạng máy tính	30	70	4							
72	CQ2023/4	23CTT4	CSC10008	Mạng máy tính	30	70	4							
73	CQ2023/5	23CTT5	CSC10008	Mạng máy tính	30	70	4							
74	TNTT2021	21TNT	CSC18105	Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	30	30	2							
75	TTNT2021	21TNT	CSC18001	Nhập môn học sâu	30	40	2							
76	TTNT2021	21TNT	CSC18101	Trí tuệ nhân tạo cho an ninh thông tin	30	40	2							
77	TTNT2023	23TNT1	CSC10008	Mạng máy tính	30	60	3							